CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 772/SBH-TCKT	*Phú Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2025*
V/v công bố báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán và giải trình thay đổi lợi nhuận	

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 498 Đại Lộ Hùng Vương-Phường 9-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Đức Phú – Quyền Tổng Giám đốc Công ty
6. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán và giải trình thay đổi lợi nhuận.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn ***http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268*** hoặc ***http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268.***

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

(*)Tài liệu đính kèm gồm:
- Công văn giải trình thay đổi lợi nhuận.
- Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán.

Nơi nhận:
- Như trên ;
- HĐQT (b/c);
- BKS (để biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4400415302 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ - T.P TUY HÒA - T.PHÚ YÊN

Nguyễn Đức Phú

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
Ký ngày: 30/3/2025 19:20:31

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 758/SBH-TCKT	*Phú Yên, ngày 28 tháng 3 năm 2025*

V/v giải trình thay đổi lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023

Kính gửi:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) kính giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
I. Tổng Doanh thu	**Tỷ đồng**	1.017,09	668,55	(348,54)	(34,27)
II. Tổng Chi phí	**Tỷ đồng**	469,18	362,10	(107,08)	(22,82)
Trong đó:					
1.Hoạt động sản xuất điện					
Sản lượng điện	Tr.Kwh	792,87	495,54	(297,33)	(37,50)
Doanh thu SX điện	Tỷ đồng	961,84	627,65	(334,19)	(34,74)
Chi phí SX điện	Tỷ đồng	468,88	360,54	(108,34)	(23,11)
Lợi nhuận SX điện	Tỷ đồng	492,96	267,11	(225,85)	(45,82)
2.Hoạt động tài chính					
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	54,93	25,26	(29,67)	(54,01)
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-	-	-	
Lợi nhuận	Tỷ đồng	54,93	25,26	(29,67)	(54,01)
3.Hoạt động khác					
Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,324	15,64	15,32	4727,16
Chi phí khác	Tỷ đồng	0,30	1,56	1,26	420,00
Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,02	14,08	14,06	58566,67
4.Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	547,91	306,45	(241,46)	(44,07)
5. Thuế TNDN	Tỷ đồng	60,58	32,90	(27,68)	(45,69)
6. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	487,33	273,55	(213,78)	(43,87)

Lợi nhuận sau thuế năm 2024 giảm 43,87% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Do sản lượng điện thương phẩm giảm 37,50% so với năm 2023 dẫn đến tổng doanh thu năm 2024 giảm 34,27%

- Tổng chi phí năm 2024 giảm 22,82% so với năm 2023.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT (kính b/cáo);
- BKS (để biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4400415302 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
T.P TUY HÒA - T.PHÚ YÊN

Nguyễn Đức Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/12/2024
Ông Vũ Hữu Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/03/2025
Ông Nguyễn Anh Vũ	Quyền Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2024 đến ngày 22/03/2025
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2024
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên	
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/04/2024
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/04/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/03/2025
Ông Nguyễn Đức Phú	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/03/2025
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Đoàn Thị Mỹ Đông.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

M.S.D.N: 4400415302 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ
T.P TUY HÒA - T.PHÚ YÊN

Nguyễn Đức Phú
Quyền Tổng Giám đốc
Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2025

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Tháp B2, Tòa nhà Roman Plaza,
Đ. Tố Hữu, P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: info-uhy@uhy.vn

uhy.vn

Số: 407 /2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này phát hành tại ngày 28/3/2024.

Nguyễn Minh Long	**Nguyễn Minh Thắng**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.078.469.494.522**	**1.409.280.032.230**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**6.935.299.208**	**228.964.765.565**
Tiền	111		6.935.299.208	8.964.765.565
Các khoản tương đương tiền	112		-	220.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**761.000.000.000**	**585.000.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	761.000.000.000	585.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**302.328.669.124**	**593.296.204.208**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	292.883.406.348	571.868.462.824
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.211.192.488	4.151.584.968
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	8.234.070.288	17.276.156.416
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**7.042.374.845**	**2.019.062.457**
Hàng tồn kho	141		7.042.374.845	2.019.062.457
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.163.151.345**	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	1.163.151.345	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**702.715.106.735**	**820.682.044.610**
Tài sản cố định	**220**		**680.791.221.802**	**772.515.230.926**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	676.435.750.587	767.681.425.071
- Nguyên giá	*222*		*4.307.462.200.747*	*4.256.144.471.813*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(3.631.026.450.160)*	*(3.488.463.046.742)*
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.355.471.215	4.833.805.855
- Nguyên giá	*228*		*6.776.510.046*	*6.776.510.046*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(2.421.038.831)*	*(1.942.704.191)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**6.738.210.572**	**34.878.699.046**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	6.738.210.572	34.878.699.046
Tài sản dài hạn khác	**260**		**15.185.674.361**	**13.288.114.638**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.897.559.723	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		13.288.114.638	13.288.114.638
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.781.184.601.257**	**2.229.962.076.840**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**133.119.425.809**	**117.571.615.516**
Nợ ngắn hạn	**310**		**133.119.425.809**	**104.071.615.516**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	28.784.390.730	26.308.837.428
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	21.849.816.033	51.210.834.737
Phải trả người lao động	314		6.037.864.581	11.195.287.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	200.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	70.579.053.969	9.755.845.276
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.868.300.496	5.400.810.727
Nợ dài hạn	**330**		-	**13.500.000.000**
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	13.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.648.065.175.448**	**2.112.390.461.324**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**1.648.065.175.448**	**2.112.390.461.324**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.242.250.000.000*	*1.242.250.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		146.199.981.940	127.436
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		211.615.193.508	822.140.333.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*176.767.634*	*104.485.542*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*211.438.425.874*	*822.035.848.346*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.781.184.601.257**	**2.229.962.076.840**

Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Quyền Tổng Giám đốc
Đặng Thị Lanh	Đoàn Thị Mỹ Đông	Nguyễn Đức Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**18**	**627.650.459.845**	**961.841.750.344**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**627.650.459.845**	**961.841.750.344**
Giá vốn hàng bán	**11**	**19**	**312.860.592.023**	**413.117.726.363**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**314.789.867.822**	**548.724.023.981**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	25.262.262.385	54.929.737.091
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	47.676.906.360	55.769.026.203
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**292.375.223.847**	**547.884.734.869**
Thu nhập khác	31	22	15.644.788.174	324.688.473
Chi phí khác	32	23	1.566.513.314	298.506.655
Lợi nhuận khác	**40**		**14.078.274.860**	**26.181.818**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**306.453.498.707**	**547.910.916.687**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32.902.572.833	60.578.068.341
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**273.550.925.874**	**487.332.848.346**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**25**	**2.202**	**3.808**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**26**	**2.202**	**3.808**

Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Quyền Tổng Giám đốc
Đặng Thị Lanh	Đoàn Thị Mỹ Đông	Nguyễn Đức Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**306.453.498.707**	**547.910.916.687**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		143.087.238.058	202.769.739.868
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(25.262.262.385)	(54.929.737.091)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***424.278.474.380***	***695.750.919.464***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		678.407.696.770	(42.473.029.638)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.023.312.388)	2.508.148.150
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(424.194.592.005)	(22.809.046.121)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.060.711.068)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53.557.079.750)	(53.787.577.039)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.736.761.636)	(19.841.600.903)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***603.113.714.303***	***559.368.213.913***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(19.778.269.348)	(21.916.518.605)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.027.000.000.000)	(707.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		851.000.000.000	980.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32.967.558.274	49.902.552.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(162.810.711.074)***	***301.486.033.554***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(662.332.469.586)	(636.236.717.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(662.332.469.586)***	***(636.236.717.830)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(222.029.466.357)**	**224.617.529.637**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**228.964.765.565**	**4.347.235.928**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**6.935.299.208**	**228.964.765.565**

Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Quyền Tổng Giám đốc
Đặng Thị Lanh	Đoàn Thị Mỹ Đông	Nguyễn Đức Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 498, Đại lộ Hùng Vương, phường 9, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 1.242.250.000.000 đồng chia thành 124.225.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Phát điện 2-CTCP góp 767.409.310.000 đồng, chiếm tỷ lệ 61,78%, Công ty TNHH Năng lượng REE góp 320.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 25,76%, các cổ đông khác góp 154.840.690.000 đồng, chiếm tỷ lệ 12,46%.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán SBH.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất điện.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 NHÂN VIÊN

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 106 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 108 nhân viên).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận chỉ số tiêu thụ của khách hàng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT được ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0402081656, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/10/2016. Theo đó, điều kiện Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN là thu nhập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013), giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Mức thuế suất ưu đãi là 10% trong thời gian 15 năm.

Trong năm 2024, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là bán điện, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tỉnh Phú Yên, Việt Nam). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền mặt	1.103.231.885	450.738.580
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.832.067.323	8.514.026.985
- Các khoản tương đương tiền	-	220.000.000.000
Cộng	**6.935.299.208**	**228.964.765.565**

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**1.163.151.345**	**-**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.163.151.345	-
b) Dài hạn	**1.897.559.723**	**-**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.897.559.723	-
Cộng	**3.060.711.068**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	**761.000.000.000**	**761.000.000.000**	**585.000.000.000**	**585.000.000.000**
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	761.000.000.000	761.000.000.000	585.000.000.000	585.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**761.000.000.000**	**761.000.000.000**	**585.000.000.000**	**585.000.000.000**

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/ năm đến 4,5%/ năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**292.883.406.348**	-	**571.868.462.824**	-
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	292.883.406.348	-	571.868.462.824	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**292.883.406.348**	-	**571.868.462.824**	-

c) Phải thu các bên liên quan: *Chi tiết tại Thuyết minh số 27.1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**1.211.192.488**	**-**	**4.151.584.968**	**-**
- Công ty Cổ phần Bảo Trì Năng Lượng	1.007.454.888	-	1.007.454.888	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Giải pháp S5T Việt Nam	187.237.600	-	1.714.543.680	-
- Các nhà cung cấp khác	16.500.000	-	1.429.586.400	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**1.211.192.488**	**-**	**4.151.584.968**	**-**

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**8.234.070.288**	**-**	**17.276.156.416**	**-**
- Tạm ứng	170.100.000	-	201.300.000	-
- Phải thu khác	155.293.574	-	1.460.883.813	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	7.908.676.714	-	15.613.972.603	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**8.234.070.288**	**-**	**17.276.156.416**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.137.774.081	-	1.972.281.046	-
Công cụ, dụng cụ	904.600.764	-	46.781.411	-
Cộng	**7.042.374.845**	**-**	**2.019.062.457**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	**2.754.110.214.847**	**1.431.516.547.055**	**8.223.728.542**	**62.293.981.369**	**4.256.144.471.813**
- Mua trong năm	-	-	-	3.742.796.136	3.742.796.136
- Đầu tư XDCB hoàn thành	36.508.645.392	783.642.568	2.677.106.339	7.651.038.499	47.620.432.798
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(45.500.000)	(45.500.000)
31/12/2024	**2.790.618.860.239**	**1.432.300.189.623**	**10.900.834.881**	**73.642.316.004**	**4.307.462.200.747**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	**(2.055.633.305.981)**	**(1.403.343.840.957)**	**(3.000.509.259)**	**(26.485.390.545)**	**(3.488.463.046.742)**
- Khấu hao trong năm	(100.253.133.594)	(28.179.943.058)	(814.318.456)	(13.361.508.310)	(142.608.903.418)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	45.500.000	45.500.000
31/12/2024	**(2.155.886.439.575)**	**(1.431.523.784.015)**	**(3.814.827.715)**	**(39.801.398.855)**	**(3.631.026.450.160)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	**698.476.908.866**	**28.172.706.098**	**5.223.219.283**	**35.808.590.824**	**767.681.425.071**
31/12/2024	**634.732.420.664**	**776.405.608**	**7.086.007.166**	**33.840.917.149**	**676.435.750.587**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.451.484.435.304 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 36.009.743.871 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	**4.500.000.000**	**2.276.510.046**	**6.776.510.046**
31/12/2024	**4.500.000.000**	**2.276.510.046**	**6.776.510.046**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2024	**(652.500.000)**	**(1.290.204.191)**	**(1.942.704.191)**
- Khấu hao trong năm	(90.000.000)	(388.334.640)	(478.334.640)
31/12/2024	**(742.500.000)**	**(1.678.538.831)**	**(2.421.038.831)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	**3.847.500.000**	**986.305.855**	**4.833.805.855**
31/12/2024	**3.757.500.000**	**597.971.215**	**4.355.471.215**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 2.399.525.630 đồng tại ngày 01/01/2024 là 680.816.448 đồng.

13. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	**6.738.210.572**	**34.878.699.046**
- Công trình xây dựng trụ sở công ty tại đường Hùng Vương	187.576.729	33.175.782.769
- Dự án khác	6.550.633.843	1.702.916.277
Cộng	**6.738.210.572**	**34.878.699.046**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**28.784.390.730**	**28.784.390.730**	**26.308.837.428**	**26.308.837.428**
- Công ty Cổ phần Lâm Đặc sản Phú Yên	7.737.226.995	7.737.226.995	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Ngọc Bảo	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.347.536.706	2.347.536.706	707.127.759	707.127.759
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ & Thương mại Song Quỳnh	2.174.833.152	2.174.833.152	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phú Gia	1.829.217.600	1.829.217.600	-	-
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1	1.778.902.582	1.778.902.582	1.988.090.741	1.988.090.741
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Minh Đạt	1.614.450.603	1.614.450.603	-	-
- Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.274.211.131	1.274.211.131	5.241.442.756	5.241.442.756
- Công ty TNHH Vật tư và Thiết bị Nam Hải	1.120.848.468	1.120.848.468	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật T&H	869.950.000	869.950.000	5.949.885.568	5.949.885.568
- Các nhà cung cấp khác	5.442.036.010	5.442.036.010	9.827.113.121	9.827.113.121
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**28.784.390.730**	**28.784.390.730**	**26.308.837.428**	**26.308.837.428**

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	7.500.783.419	40.300.565.278	43.531.261.065	4.270.087.632
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.371.850.367	32.902.572.833	53.557.079.750	3.717.343.450
- Thuế thu nhập cá nhân	131.484.845	1.333.151.350	1.449.362.098	15.274.097
- Thuế tài nguyên	7.321.486.026	50.567.896.361	50.996.016.413	6.893.365.974
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	166.266.984	166.266.984	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	7.960.417.800	7.960.417.800	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.885.230.080	17.839.596.852	22.771.082.052	6.953.744.880
Cộng	**51.210.834.737**	**151.073.467.458**	**180.434.486.162**	**21.849.816.033**

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**70.579.053.969**	**9.755.845.276**
- Kinh phí công đoàn	30.318.629	-
- Bảo hiểm xã hội	379.922.678	-
- Bảo hiểm y tế	68.216.915	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.318.628	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.830.207	54.836.331
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	70.006.446.912	9.701.008.945
+ Cổ tức phải trả	*63.230.789.175*	*2.300.668.496*
+ Thuế GTGT phải trả	*6.749.962.737*	*7.388.698.257*
+ Phải trả ngắn hạn khác	*25.695.000*	*11.642.192*
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**70.579.053.969**	**9.755.845.276**

c) Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	**1.242.250.000.000**	**48.000.000.000**	**334.664.064.163**	**632.566.816.315**	**2.257.480.880.478**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	487.332.848.346	487.332.848.346
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(334.663.936.727)	(297.759.330.773)	(632.423.267.500)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	*39.063.273*	*(39.063.273)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(18.130.642.500)*	*(18.130.642.500)*
+ Chia cổ tức	-	-	-	*(614.292.625.000)*	*(614.292.625.000)*
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	*(334.703.000.000)*	*334.703.000.000*	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
31/12/2023	**1.242.250.000.000**	**48.000.000.000**	**127.436**	**822.140.333.888**	**2.112.390.461.324**
01/01/2024	**1.242.250.000.000**	**48.000.000.000**	**127.436**	**822.140.333.888**	**2.112.390.461.324**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	273.550.925.874	273.550.925.874
- Phân phối lợi nhuận	-	-	146.199.854.504	(884.076.066.254)	(737.876.211.750)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (1)	-	-	*146.199.854.504*	*(146.199.854.504)*	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	*(14.265.586.750)*	*(14.265.586.750)*
+ Chia cổ tức (2)	-	-	-	*(723.610.625.000)*	*(723.610.625.000)*
31/12/2024	**1.242.250.000.000**	**48.000.000.000**	**146.199.981.940**	**211.615.193.508**	**1.648.065.175.448**

(1) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 1309/NQ-SBH ngày 24 tháng 05 năm 2024, Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 14.265.586.750 đồng và trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 146.199.854.504 đồng.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 1309/NQ-SBH ngày 24 tháng 05 năm 2024,Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 62/NQ-SBH ngày 08 tháng 01 năm 2024, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 3200/SBH-TCKT ngày 03 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thông qua việc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

- Chi trả cổ tức năm 2023 đợt 2 với tỷ lệ 53,25% vốn điều lệ, tương đương với số tiền là 661.498.125.000 đồng. Ngày chốt quyền là ngày 22 tháng 01 năm 2024 và thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 15 tháng 05 năm 2024.
- Tạm ứng cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương đương với số tiền là 62.112.500.000 đồng. Ngày chốt quyền là ngày 30 tháng 12 năm 2024 và thời gian thực hiện chi trả cổ tức là ngày 22 tháng 01 năm 2025.

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP	767.409.310.000	767.409.310.000
- Công ty TNHH Năng lượng REE	320.000.000.000	320.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	154.840.690.000	154.840.690.000
Cộng	**1.242.250.000.000**	**1.242.250.000.000**

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
+ Vốn góp cuối năm	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**723.610.625.000**	**614.292.625.000**

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	124.225.000	124.225.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*124.225.000*	*124.225.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*124.225.000*	*124.225.000*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

17.5 CỔ TỨC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm	62.112.500.000	661.498.125.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	62.112.500.000	661.498.125.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17.6 CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	146.199.981.940	127.436

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán điện	627.650.459.845	961.841.750.344
Cộng	**627.650.459.845**	**961.841.750.344**

Doanh thu với các bên liên quan: *Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 27.1*

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán điện	312.860.592.023	413.117.726.363
Cộng	**312.860.592.023**	**413.117.726.363**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.262.262.385	54.929.737.091
Cộng	**25.262.262.385**	**54.929.737.091**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	***47.676.906.360***	***55.769.026.203***
- Chi phí nhân viên quản lý	16.958.503.129	18.809.544.662
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.174.866.535	255.038.200
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.044.901.399	4.281.362.798
- Chi phí bằng tiền khác	25.498.635.297	32.423.080.543
Cộng	**47.676.906.360**	**55.769.026.203**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hoàn nhập Quỹ Khoa học Công nghệ	13.500.000.000	-
- Các khoản khác	2.144.788.174	324.688.473
Cộng	**15.644.788.174**	**324.688.473**

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản chi phí khác	1.566.513.314	298.506.655
Cộng	**1.566.513.314**	**298.506.655**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.899.760.823	2.027.271.072
- Chi phí nhân công	31.954.704.183	39.120.126.754
- Khấu hao tài sản cố định	143.025.902.713	202.769.739.868
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	76.534.177.997	112.399.144.246
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.528.137.509	17.924.607.008
- Chi phí sửa chữa lớn	23.056.825.973	31.006.985.741
- Chi phí khác	71.537.989.185	63.638.877.877
Cộng	**360.537.498.383**	**468.886.752.566**

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**273.550.925.874**	**487.332.848.346**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.265.586.750)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	273.550.925.874	473.067.261.596
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	124.225.000	124.225.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**2.202**	**3.808**

Trên cơ sở trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 1309/NQ-SBH ngày 24 tháng 05 năm 2024, Công ty đã trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 3.808 VND/cổ phiếu (số đã trình bày là 3.923 VND/cổ phiếu).

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

25.2 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	273.550.925.874	487.332.848.346
ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	124.225.000	124.225.000

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất
3	Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
4	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	Cổ đông lớn là Tổng công ty trong cùng Tập đoàn
5	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông là Tổng công ty trong cùng Tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cổ đông là Công ty trong cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty trong cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	Công ty trong cùng Tập đoàn
9	Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
10	Công ty Điện lực Phú Yên	Công ty trong cùng Tập đoàn
11	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn
12	Công ty Thủy điện Sông Bung	Chi nhánh Công ty mẹ
13	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Công ty trong cùng Tổng công ty
14	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	292.883.406.348	571.868.462.824
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	1.274.211.131	5.241.442.756
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	1.778.902.582	1.988.090.741
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.347.536.706	707.127.759
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	447.000.000	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	350.092.998	295.424.656
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	50.838.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	40.945.950	-
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	3.402.000	-

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu mua bán điện	**627.650.459.845**	**961.841.750.344**
Công ty Mua bán điện-Tập đoàn Điện lực Việt Nam	627.650.459.845	961.841.750.344
Mua dịch vụ	**10.643.124.033**	**10.983.065.903**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	4.808.843.416	7.882.693.997
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	1.518.698.132	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.518.897.174	2.774.089.676
Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.092.614.737	284.114.230
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	551.851.852	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	506.607.039	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	350.092.998	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	255.169.362	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	40.349.323	-
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	42.168.000
Chia cổ tức	**716.363.923.075**	**608.140.703.795**
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	447.015.923.075	379.483.903.795
Công ty TNHH Năng lượng REE	186.400.000.000	158.240.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	52.192.000.000	44.307.200.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	23.300.000.000	19.780.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	7.456.000.000	6.329.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trả cổ tức	**654.873.457.575**	**631.260.703.795**
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	408.645.457.575	379.483.903.795
Công ty TNHH Năng lượng REE	170.400.000.000	174.240.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	47.712.000.000	48.787.200.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	21.300.000.000	21.780.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	6.816.000.000	6.969.600.000

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị		**1.686.916.250**	**1.532.764.000**
Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 01/12/2024)	667.303.500	849.061.000
Ông Vũ Hữu Phúc	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 22/03/2025)	651.960.750	395.703.000
Ông Nguyễn Anh Vũ	Quyền Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2024 đến 22/03/2025)	99.741.000	96.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	98.316.000	96.000.000
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2024)	71.279.000	-
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	98.316.000	96.000.000
Ban Tổng Giám đốc		**1.151.465.500**	**1.560.777.000**
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	112.296.000
Ông Nguyễn Đức Phú	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 22/03/2025)	575.732.750	724.240.500
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	575.732.750	724.240.500
Ban Kiểm soát		**1.031.873.000**	**1.046.422.500**
Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng ban	638.609.000	753.142.500
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	98.316.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 10/04/2024)	71.279.000	-
Ông Nguyễn Đức Nam	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2024)	27.037.000	50.640.000
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên	98.316.000	50.640.000
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	98.316.000	50.640.000
Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	45.360.000
Người quản lý khác		**527.294.750**	**663.360.000**
Bà Đoàn Thị Mỹ Đông	Kế toán trưởng	527.294.750	663.360.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã được kiểm toán.

Phú Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Quyền Tổng Giám đốc
Đặng Thị Lanh	Đoàn Thị Mỹ Đông	Nguyễn Đức Phú